ĐỌC SÁCH

ĐI TÌM VIỆT NAM GIỮA CÁC THẾ GIỚI: *"VIỆT NAM VÀ MÔ HÌNH TRUNG QUỐC"* CỦA ALEXANDER B. WOODSIDE

VŨ ĐỨC LIÊM*

"*Tháng Tám có chiếu vua ra*
Cấm quần không đáy ng- ời ta hãi hùng
Không đi thì chợ không đông
Đi thì phải lột quần chồng sao đang!
Có quần ra quán bán hàng
Không quần ra đứng đầu làng trông quan".

Khuyết danh

"[Còn] thơ của Càn Long đời Thanh phần nhiều ép g- ợng, bỉ lậu, không đáng nói tới, thế mà ng- ời thị tòng bấy giờ, không có một ai sửa nắn lại, nay đọc đến, chỉ là trò c- ời."

Minh Mệnh, 1840 (1).

Việt Nam đã bắt đầu từ đâu? Bản sắc của họ trong quá khứ là gì? Đâu là thế giới mà Hoàng đế Minh Mệnh và các quan chức của ông h- ớng về? Còn những ng- ời nông dân xa lạ với "chữ Thánh hiền" thì sao, liệu họ có cùng suy nghĩ nh- vị hoàng đế đang ngự trị ở Tử Cấm thành Huế?

Cuộc hành trình đi tìm bản sắc đã và đang thách thức các sử gia về Việt Nam. Một trong những học giả quốc tế tiên phong đã đ- a ra câu trả lời có ảnh h- ởng sâu rộng đúng năm thập kỷ tr- ớc, từ đó xác lập một công trình mang tính nền tảng của học giới ph- ơng Tây cho câu hỏi này chính là Alexander Woodside: *Việt Nam và mô hình Trung Quốc: Nghiên cứu so sánh về chính quyền ở Việt Nam và Trung Quốc nửa đầu thế kỷ* XIX ([1971] 1988) (2).

Đây là lúc để nhìn lại công trình học thuật quan trọng này nh- một cách thức khám phá hành trình sáng tạo tri thức (knowledge production) về Việt Nam trên thế giới, đặc biệt là khung cảnh học thuật tiếng Anh, về thời đại nuôi d- ỡng thế giới quan của tác giả, về cách thức tri thức đ- ợc tạo ra và nguồn cảm hứng cho những sáng tạo đó, cũng nh- tầm ảnh h- ởng của công trình này trong sự tiến triển của ngành Việt Nam học. Tầm quan trọng của diễn ngôn tri thức này không chỉ cho thấy sự tiến hóa của hiểu biết về Việt Nam mà còn là thay đổi ph- ơng thức tiếp cận khu vực học mà ở đó bản sắc Việt đã "xê dịch" giữa các thế giới, từ "Trung Quốc", "Ấn Độ" tới "Đông Nam Á", từ thế giới "dân tộc chủ nghĩa Việt Nam", "thế giới đại đồng Nho giáo Đông Á" tới "thế giới quốc tế hóa, toàn cầu hóa". Với ý nghĩa đó, cuốn sách là câu trả lời của Alexander Woodside cho câu hỏi: Việt Nam đã ở đâu giữa các thế giới?

Woodside và thời đại

Ngày xửa ngày x- a, bề mặt trái đất đ- ợc phân chia thành "chính quốc" và "thuộc địa", thế giới chỉ có "kẻ xâm l- ợc" và "ng- ời bị trị". Đó là lúc không tồn tại "Indonesia" mà chỉ có "Nederlands-Indië",

*TS. Tr- ờng Đại học S- phạm Hà Nội

không có "Lào" và "Cambodge" mà là "Fédération indochinoise"… Trong thế giới đó, lịch sử của kẻ bị trị đ- ợc viết ra từ lăng kính kẻ đi xâm l- ợc, những ng- ời không tin rằng dân Khmer thuộc địa có thể dựng nên đền Angkor vĩ đại, mà chính là Rome hay Alexander đại đế (3). Góc nhìn lấy châu Âu làm trung tâm này, mô tả vùng đất thuộc địa từ "sàn các con tàu, công sự pháo đài và sảnh cao của các trung tâm th- ơng mại" (4).

Có hai chuyển biến lớn sau Chiến tranh Thế giới thứ II làm thay đổi cấu trúc chính trị bề mặt trái đất và cách tri thức về các vùng đất này đ- ợc "tái kiến tạo". *Thứ nhất,* là phong trào giải phóng dân tộc tạo ra n- ớc Việt Nam hiện đại, n- ớc Lào hiện đại. N- ớc Malaysia, n- ớc Singapore lần đầu tiên xuất hiện d- ới bóng mặt trời trong hình hài của một quốc gia dân tộc. Từ góc độ tri thức, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy các làn sóng học thuật mới tìm kiếm "bản sắc", nguồn gốc dân tộc và các duyên nợ trong quá khứ (thời kỳ vẻ vang, các nền văn minh, các đế chế huy hoàng, các kẻ thù th- ờng trực…). Tại Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định "*các vua Hùng đã có công dựng n- ớc, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy n- ớc*" (5). Trong hai thập kỷ sau đó, là một trong những dự án học thuật lớn nhất trong lịch sử Việt Nam: cuộc hành trình đi tìm thời đại Hùng v- ơng (6). Không phải "Fédération indochinoise" mà "Việt Nam" đã xuất hiện với t- cách là *một thực thể chính trị* và một *đối t- ợng nghiên cứu*. *Thứ hai,* là khung cảnh Chiến tranh Lạnh đẩy thế giới vào cuộc cạnh tranh quyền lực giữa hai siêu c- ờng. Để thực hiện chiến l- ợc toàn cầu, ng- ời ta chia bề mặt trái đất làm các khu vực, ban đầu phục vụ mục tiêu địa chính trị và quân sự. Để có thể triển khai ý đồ địa chiến l- ợc hiệu quả tại mỗi vùng, các siêu c- ờng cần mở rộng tri thức, đào tạo ngôn ngữ… Vì thế các tr- ờng đại học ph- ơng Tây xuất hiện các ngành học mới: Area studies (khu vực học).

Những ng- ời nh- Alexander Woodside chính là những nhà khu vực học đầu tiên. Hãy nghe tác giả giới thiệu về buổi đầu đến với lịch sử Việt Nam của mình: "Khi tôi là sinh viên tại tr- ờng Đại học Toronto ở Canada vào cuối thập niên 1950, không hề có khóa học nào về lịch sử hay ngôn ngữ Đông Nam Á. Sau khi tốt nghiệp Đại học Toronto, tôi đến Đại học Harvard vào mùa Thu năm 1960. Nh- ng ý định của tôi khi ấy là làm tiến sỹ về lịch sử Trung Quốc hiện đại; và Harvard vào đầu những năm 1960 cũng không có bất kỳ khoá học nào về tiếng Việt hay lịch sử Việt Nam… Luận án tiến sỹ của tôi nhan đề "Việt Nam và Mô hình Trung Quốc" đ- ợc hoàn thành vào năm 1968, và sau đó cuốn sách với cùng nhan đề đ- ợc Nxb. Đại học Harvard xuất bản vào năm 1971. Đến năm 1969, tôi trở thành giáo s- lịch sử ở Harvard, giảng dạy khóa học đầu tiên về Lịch sử Việt Nam cho sinh viên đại học tại đây" (7).

Có hai yếu tố lớn định hình tri thức của những ng- ời này về Việt Nam. *Thứ nhất*, nhiều ng- ời trong số họ đã "bắt đầu cuộc hành trình từ Trung Quốc" tr- ớc khi rẽ sang Việt Nam. Vào thời điểm đó, Trung Quốc học đã có lịch sử lâu dài. Khi nhu cầu về nghiên cứu Việt Nam gia tăng, ng- ời ta tin rằng Việt Nam là một "tiểu Trung Quốc", "một rồng nhỏ" (8), vì thế các nhà nghiên cứu này (Alexander B. Woodside, John K. Whitmore…) nhanh chóng gia nhập vào lĩnh vực mới, và tin rằng sử dụng t- liệu chữ Hán và ứng dụng các mẫu hình lịch sử Trung Quốc là cần thiết để hiểu Việt Nam (9). Trong lời nói đầu công trình của mình, Woodside viết, "cuốn sách này

đ- ợc viết vào giai đoạn cuộc chiến tranh Đông D- ơng lần thứ hai. C- ờng quốc hùng mạnh nhất ph- ơng Tây đang ném bom ng- ời Việt Nam mà không hiểu về họ, và gần nh- không thể tìm đ- ợc bất cứ bản dịch Anh ngữ nào dù là đối với tác phẩm văn ch- ơng cổ điển Việt Nam hấp dẫn và đ- ợc đọc rộng rãi nhất" (10). *Thứ hai*, họ chịu ảnh h- ởng sâu sắc của làn sóng dân tộc chủ nghĩa đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới, trong đó có cuộc vận động cách mạng ở Việt Nam. Tác động này đến từ khung cảnh học thuật đ- ợc tạo dựng sau thất bại của ng- ời Pháp ở Đông D- ơng bởi những học giả và chính trị gia nh- Paul Mus, Jean Lacouture, Jean Sainteny… Trào l- u này nhanh chóng lan sang giới học thuật và chính trị gia phản chiến tại Mỹ với công trình đặc biệt có ảnh h- ởng của Frances FitzGerald: *Lửa trong Hồ: Ng- ời Việt Nam và những ng- ời Mỹ ở Việt Nam* (1972) (11). Và đó cũng là cơ sở để nền học thuật thời kỳ này cho ra đời một công trình quan trọng khác của Keith W. Taylor: *Sự ra đời của Việt Nam* (1983) (12). Để kết lại dấu ấn của thời đại này, hãy nghe lời tổng kết của một trong những nhân vật "sừng sỏ" nhất của giới tinh hoa Hoa Kỳ đ- ơng thời: Robert McNamara: "Chúng ta đã đánh giá thấp sức mạnh của chủ nghĩa dân tộc thúc đẩy một dân tộc (trong tr- ờng hợp này là Bắc Việt Nam và Việt Cộng) chiến đấu và hy sinh cho các giá trị và niềm tin của họ…" (13).

Thời đại và tri thức

Năm 1944, học giả Pháp George Coedes xuất bản công trình *Cổ sử các nhà n- ớc Hindu hóa ở Viễn Đông* tại Hà Nội. Ông lúng túng trong việc "ứng xử" với Đại Việt, và quyết định đặt v- ơng quốc ra ngoài cuốn sách (14). Với học giả EFEO này, không tồn tại "Đông Nam Á" mà ở Viễn Đông chỉ có hai thế giới "Ấn Độ hóa" và "Trung Quốc hóa". Đại Việt thuộc về thế giới thứ hai. Woodside đã định vị lại Việt Nam với một hệ quy chiếu khác. Các đ- ờng biên tri thức, ph- ơng pháp tiếp cận và nguồn tài liệu ông sử dụng nằm trong các khuôn khổ thời đại và các thiết chế học thuật ông gia nhập. Đi giữa hai thế giới "Trung Quốc học" và "Đông Nam Á học", công trình của ông phản ánh rõ hành trình đi tìm Việt Nam qua các không gian chính trị và văn hóa thời Chiến tranh Lạnh.

Việt Nam và mô hình Trung Quốc tin rằng sau hàng nghìn năm lịch sử, các thực thể chính trị trên vùng đất ngày nay là Trung Quốc đã tạo ra một mô hình chính trị truyền thống. Các cấu thành của nó: t- t- ởng đế quyền, tổ chức hệ thống quan liêu, thuế khóa, quân đội, luật pháp, khoa cử, đơn vị hành chính địa ph- ơng cho tới quan niệm về chữ hiếu… không chỉ có tầm ảnh h- ởng ở vùng đồng bằng giữa hai con sông Hoàng Hà, Tr- ờng Giang mà còn mở rộng ra trong một thế giới đ- ợc gọi là nền văn minh cổ điển Đông Á (15).

Việt Nam, theo lập luận của Woodside ở vào vị trí địa-chính trị, địa-văn hóa đặc biệt. D- ới bóng của các đế chế ph- ơng Bắc trong hàng nghìn năm, vùng đất này đã trở thành sân khấu cho sự ứng dụng của "mô hình Trung Quốc" lên trên một "cơ sở hạ tầng Đông Nam Á" (16). Điều này cho thấy rõ dấu ấn của ngành khu vực học mới ra đời trong việc sáng tạo tri thức khi các học giả bắt đầu nói tới một "bản sắc Đông Nam Á" thay vì "Ấn hóa", "Hán hóa" đơn thuần (17).

Đối với lịch sử Việt Nam, Woodside lập luận rằng thời kỳ hiện đại bắt đầu từ nhà Tây Sơn. Tuy nhiên nhà Nguyễn là "triều đại mang tính "Trung Quốc" nhất trong khuynh h- ớng văn hóa, hơn bất cứ triều đại nào của lịch sử Việt Nam" (18). Điều

này đã đ- a tới hệ quả là một khung cảnh văn hóa, chính trị, xã hội đặc biệt cần phải đ- ợc làm rõ. Nền quân chủ ở Việt Nam có hai truyền thống "Trung Quốc" và "Đông Nam Á" (19). Sự vận hành của nhà n- ớc và ph- ơng thức cai trị vì thế là sự tổng hòa, thỏa hiệp giữa ý niệm đế quyền, thiên triều, của các nguyên tắc Nho giáo… với thế giới của thần linh địa ph- ơng, cầu đảo, của ý thức và t- duy thế giới quan bản địa, của nền văn hóa làng xã, của đa dạng vùng miền, tộc ng- ời.

Ở thế kỷ XIX, hai truyền thống này tồn tại song hành, không hề có xung đột ở đằng sau mặt tiền của các biểu t- ợng kinh điển Trung Quốc (20). Ở đó, vua Gia Long gọi Việt Nam là "Trung Quốc" - n- ớc ở trung tâm. Vua Minh Mệnh gọi ng- ời Việt là "Hán nhân" - những ng- ời mang tính cách "hoa", văn minh. Cả hai đã xác lập vị thế "thiên triều" của Việt Nam và tổ chức một mạng l- ới triều cống chặt chẽ… Thậm chí Minh Mệnh tự hào rằng những ng- ời thực hành Nho giáo ở Việt Nam mới là hậu duệ chính thống của truyền thống Nho học chứ không phải những ng- ời Mãn Châu gốc man di đang cai trị ph- ơng Bắc. Tuy nhiên sự "mong manh" của quá trình dung hợp hai truyền thống này và đặc biệt là sự không t- ơng thích khi sử dụng phần mềm "mô hình Trung Quốc" cài đặt vào phần cứng "cơ sở hạ tầng Đông Nam Á" cũng sẽ là vấn đề đ- ợc ông tập trung làm rõ.

Đó là cơ sở để tác giả đặt ra những câu hỏi quan trọng về ph- ơng thức chuyển giao của mô hình chính trị đó? Làm cách nào ng- ời Việt đã chấp nhận một số thiết chế của Trung Quốc trong khi từ chối những cái khác? Những yếu tố đ- ợc vay m- ợn đó đã vận hành nh- thế nào trong lòng xã hội Việt Nam, chúng t- ơng tác ra sao với các truyền thống bản địa năng động, trong mối quan hệ giữa Việt Nam với Lào, Chân Lạp, Siam…? Khung cảnh Đông Nam Á, các cơ tầng làng xã đã làm biến đổi các thiết chế Đông Á nh- thế nào và hai thế giới này đã chung sống với nhau ra sao?

Câu trả lời của cuốn sách dựa trên các khảo sát bao quát về thiết chế, thực hành chính trị và nền văn hóa chính trị Việt Nam đầu thế kỷ XIX. Cuốn sách gồm 5 nội dung lớn: phần thứ nhất, *Việt Nam và Trung Quốc: những bóng dáng của tiếp biến văn hóa và một số thực tế đằng sau;* phần thứ hai, *Nền hành chính dân sự trung - ơng của nhà Nguyễn và nhà Thanh: các cấu trúc quyền lực và quá trình thông tin;* phần thứ ba, *Những ý t- ởng vay m- ợn từ các quan chức triều đình và vấn đề thực tiễn đối với viên chức hành chính địa ph- ơng;* phần thứ t- , *giáo dục và khoa cử d- ới triều Nguyễn Việt Nam*; phần thứ 5, *Hoàng đế, bộ máy quan liên và thế giới bên ngoài Việt Nam.* Bản in năm 1988 cũng bao gồm một phần dẫn nhập mới mà nội dung của nó sẽ đ- ợc phân tích ở phần cuối của bài viết này.

Trong phần đầu, Woodside đ- a ra một phác thảo tổng quan về xã hội Việt Nam ở đó, hai truyền thống Trung Quốc và Đông Nam Á đi đến gặp gỡ nhau nh- thế nào? Làm thế nào để bóc tách các yếu tố thuộc về bên này hay bên kia cũng nh- nhận diện các thể lai ghép và ph- ơng tiện để dung hòa hai truyền thống đó nh- ý niệm "hoàng đế" Trung Quốc và "vua" Việt Nam, hay chữ Nôm nh- một thể "lai ghép" có tính "Việt Nam hóa" của chữ Hán (21).

Phần thứ hai h- ớng tới tổ chức hành chính trung - ơng bao gồm cấu trúc quyền lực ở triều đình Huế và quá trình thông tin liên lạc qua hệ thống công văn. Woodside phân tích hệ thống thiết chế của chính quyền nhà Nguyễn và so sánh sự thực

hành này ở Trung Quốc qua nhiều giai đoạn khác nhau. Nhiều sự "cải biến" đã đ- ợc nhận diện nh- khác biệt về quy mô, tổ chức, tên gọi cơ quan, chức quan… Nguyên nhân là xã hội Việt Nam không đồng nhất với Trung Quốc dẫn tới sự khác biệt trong quá trình vận hành. Woodside chỉ ra nhiều ví dụ, từ số l- ợng các viên lang trung, th- lại… ở các bộ cho tới việc tái hiện chế độ quân điền thời Đ- ờng thông qua chính sách *khẩu phân điền chế* của vua Gia Long (1804). Cũng có chính sách làm cho Việt Nam mang diện mạo hoàn toàn khác với phần còn lại của Đông Nam Á, nh- việc sử dụng hệ thống văn bản hành chính phức tạp hay chế độ tiền "d- ỡng liêm" cấp cho quan lại (cập nhật từ nhà Thanh). Nh- ng cũng có chính sách chỉ là sự ứng dụng một cách "hững hờ", "bị động", nh- "hồi tỵ" vốn đ- ợc coi trọng ở Trung Quốc (22).

Woodside dành nhiều thời l- ợng thảo luận về hoạt động thông tin liên lạc từ làng xã tới hoàng cung, dòng luân chuyển văn bản hành chính cùng với hệ thống các cơ quan đóng vai trò th- ký, hỗ trợ hành chính cho nhà vua. Ông đánh giá cao sự linh hoạt của nhà Nguyễn trong việc tổ chức Nội Các và Cơ Mật Viện cũng nh- nỗ lực của ng- ời cầm quyền kết nối trực tiếp với địa ph- ơng thông qua các tấu báo định kỳ nh- *thỉnh an, tâu báo mễ giá* (tâu báo giá gạo), *phong vũ nhật ký* (tâu báo tình hình thời tiết).

Các ý niệm chính trị vay m- ợn của giới quan liêu triều đình, cảnh quan Tử Cấm Thành và những vấn đề thực tế đặt ra với quan chức cấp tỉnh là chủ đề đ- ợc bàn thảo ở phần thứ ba. Woodsidie lập luận rằng, nh- ở Trung Quốc, có một cái vịnh ngăn cách giữa thế giới khá đồng nhất về văn hóa và tri thức của giới elite ở Hà Nội và Huế với các truyền thống văn hóa đa dạng, không đồng nhất của hàng nghìn ngôi làng. Hệ quả là nền văn hóa của giới tinh hoa th- ờng đ- ợc coi là "truyền thống lớn" của xã hội, còn những gì diễn ra sau lũy tre làng "là truyền thống nhỏ". Nh- ng đối với Việt Nam thì xã hội này còn một cái vịnh khác: giữa kinh đô và các tỉnh (23). Điều này do đặc thù của hoạt động in ấn và trao đổi th- tịch hạn chế ở Việt Nam chỉ cho phép tạo ra một số trung tâm tri thức và cộng đồng học giả giới hạn. Một trong những nhóm quan trọng ở thế kỷ XIX là những ng- ời Minh H- ơng giúp chuyển giao các thiết chế chính trị Trung Quốc vào triều đình Huế.

Hệ quả là xã hội Việt Nam cùng tồn tại nhiều "thế giới". Tầng lớp quan liêu cao cấp ở Huế và Hà Nội sống trong vũ trụ quan Trung Quốc và thực hành chúng thông qua cai trị xã hội. Ngự giữa Tử Cấm Thành Huế, nơi đ- ợc mô phỏng theo các nguyên tắc quyền lực và ý niệm đế quyền Bắc Kinh, nhà vua và giới quan liêu Việt Nam rất tự tin vì họ tiếp cận đầy đủ th- tịch và tri thức trị quốc ph- ơng Bắc. Nh- ng thế giới ph- ơng Nam ở bên ngoài Huế là một khung cảnh khác. Sự đa dạng của làng xã, vùng miền, của các loại địa hình, nhóm dân c- , tộc ng- ời… [mang tính Đông Nam Á] thách thức sự đồng nhất văn hóa của tầng lớp elite Nho giáo (24). Đó chính là cơ sở của "phép vua thua lệ làng", và sự đối chọi của làng với các giáo điều chính thống, đ- ợc thể chế hóa chặt chẽ từ trên (25). Theo tác giả, điều này không có nghĩa là Huế không có khả năng cai trị các cộng đồng địa ph- ơng. Họ đã thành công trong nhiều chiến dịch bình định quân sự, tổ chức lại các công trình công cộng nh- thành trì, đê điều, kênh đào, xác lập lại đơn vị hành chính thông qua giới thiệu hệ thống cấp tỉnh…

Giáo dục là ph- ơng thức hiện thực hóa ý t- ởng quyền lực và giá trị Nho giáo vào bộ máy quan liêu. Đây là nội dung bàn thảo ở phần bốn của cuốn sách. Những ng- ời nh- vua Minh Mệnh đặt hy vọng vào hệ thống khoa cử để chọn các viên chức xuất sắc nhất cho dự án chính trị tập trung hóa quyền lực. Tuy nhiên, quy mô nhỏ hẹp của dân số, hoạt động giáo dục nhỏ lẻ, hạn chế về sách vở, tài liệu… đã làm nản lòng các ông vua Nguyễn trong nỗ lực tìm ng- ời đỗ đạt để lấp đầy các vị trí hành chính (26). Hệ quả là, theo Woodside, Việt Nam phải trả giá cho việc theo đuổi các thiết chế phức tạp của đế chế Trung Quốc, khiến cho bộ máy quan liêu bị mở rộng quá mức về tổ chức và thành phần xã hội.

Để hiểu rõ về nền giáo dục đầu thế kỷ XIX, nỗ lực triển khai ở Việt Nam, và thách thức đặt ra, tác giả đã khảo cứu công phu nhiều khía cạnh từ nguồn sách vở, th- tịch, đề thi, tr- ờng sở, quan niệm về vai trò ng- ời đỗ đạt cho tới tỉ lệ khoa cử theo vùng miền. Tác giả cũng trình bày về số phận của Cao Bá Quát, ví dụ mà ông tin rằng cho thấy sự xung đột giữa một bộ phận trí thức "địa ph- ơng" và nền văn hóa đ- ợc thiết chế hóa chặt chẽ cùng với quyền lực thống trị của các tín điều Nho giáo cứng nhắc ở trung - ơng. Để kết lại, ông nhấn mạnh hệ quả của nền khoa cử này ở cả Trung Quốc và Việt Nam từ sau năm 1850 đó là hạn chế khả năng thích nghi của xã hội đối với thách thức từ bên ngoài.

Một sự không t- ơng thích khác về thế giới quan cũng đ- ợc Woodside bàn thảo trong phần thứ năm của cuốn sách: việc định vị và thực hành quyền lực của Việt Nam trong khung cảnh khu vực quốc tế. Để trả lời câu hỏi "thiên hạ" của triều Nguyễn đ- ợc xác lập và vận hành nh- thế nào? Woodside lập luận rằng, triều đình Việt Nam không thể chỉ du nhập và sử dụng các thiết chế Trung Quốc mà không tiếp nhận thế giới quan của Bắc Kinh. Vua nhà Nguyễn cai trị với t- cách là thiên tử. Dĩ nhiên ông ta phải có thiên hạ và một thứ bậc triều cống t- ơng xứng, nếu không thì những "bạch diện th- sinh" từ các làng quê sẽ không còn tin ông ta nữa (27). Vào năm 1815, Gia Long có một danh sách 13 n- ớc ch- hầu triều cống bao gồm Thủy Xá, Hỏa Xá, Chân Lạp, Nam Ch- ởng, Miến Điện, Anh, Pháp… Woodside lập luận rằng điều này đã tạo ra ảo giác hơn là thật và thực tế có rất ít các n- ớc láng giềng Đông Nam Á thực sự gửi triều cống đều đặn tới Huế (28). Bất chấp những thách thức mà một triều đình nhỏ bé tìm cách vận hành một hệ thống triều cống phong cách Trung Hoa ở Đông Nam Á, điều này đ- a lại một số hệ quả. *Thứ nhất,* là sự thù địch "ngầm" giữa giới quan liêu Việt Nam với Trung Quốc trong bối cảnh họ có "đế", "thiên hạ", "ch- hầu" riêng. Trung Quốc khi đó đ- ợc coi là "đối thủ" cạnh tranh hơn là một "thiên triều". *Thứ hai*, là tác động đến cách nhà n- ớc ở Việt Nam ứng xử, phân loại và thi hành chính sách kinh tế, văn hóa, chính trị đối với nhiều nhóm cộng đồng dân tộc thiểu số.

Woodside cho sự can dự của Việt Nam vào khu vực Mekong là hệ quả của việc "mô hình thiên hạ" đối mặt với "hiện thực". Dù đằng sau đó có thể là sự thúc đẩy bởi các lợi ích quân sự, kinh tế ví dụ nhu cầu voi chiến, nh- ng không thể bỏ qua các diễn ngôn lớn mang tính "Trung Quốc" về giáo hóa các dân "man", "thổ". Trong nỗ lực đó, năm 1836 Huế đã chia lại đơn vị hành chính, cắt cử quan lại, thay đổi trang phục, văn tự… cho ng- ời dân Chân Lạp (29). Nhìn một cách tổng thể thì chính sách đối ngoại của Việt Nam bị đặt trong tình thế

tiến thoái l- ỡng nan bởi sự "lai ghép" của t- t- ởng thiên triều, văn minh Nho giáo, việc không chấp nhận cùng tồn tại đa dạng văn hóa, tôn giáo… với các mô hình văn hóa đa nguyên và thực dụng Đông Nam Á (30). Điều đó không chỉ dẫn dắt cách thức Huế t- ơng tác với Bangkok mà còn thái độ của họ với Thiên Chúa giáo, ph- ơng Tây, th- ơng mại biển… Điểm cộng của tính Đông Nam Á ở đây là so với hoàng đế nhà Thanh thì vua Minh Mệnh có t- duy độc lập và thực tế hơn. Trong những năm 1830, Huế đ- ợc thông tin đầy đủ về nền văn hóa ph- ơng Tây hơn Bắc Kinh. Triều đình bắt đầu thay đổi quân đội theo h- ớng Tây hóa, và vua Minh Mệnh d- ờng nh- đã tham khảo các chiến thuật hải chiến của Anh…

Tóm lại, khảo sát của Woodside là t- ơng đối toàn diện. Ông khám phá nhiều khía cạnh của thế giới quan, t- t- ởng, thực thành tri thức, quyền lực, văn hóa, t- ơng tác xã hội mà những đề cập có tính gợi mở trên đây chỉ là một phần của bức tranh. Theo tác giả, chúng phản ánh "ảnh h- ởng của văn hóa Trung Quốc và giới hạn của nó trong nền chính trị, văn ch- ơng, giáo dục và xã hội". Ông thừa nhận rằng mô hình Trung Quốc ch- a bao giờ thống trị độc quyền trong thế giới của nhà Nguyễn và luôn phải đứng tròng trành trên nền Đông Nam Á (31).

Ở thế kỷ XIX, quan hệ giữa hai bên càng trở nên kịch tính khi ở th- ợng tầng, giới tinh hoa nhà Nguyễn chào đón một cách nhiệt thành các yếu tố Trung Quốc, trong khi ở làng xã, những ng- ời nông dân vẫn thuộc về cơ tầng bản địa. Do đó, khoảng cách giữa hoàng cung và làng xã lớn hơn bao giờ hết, và lớn hơn nhiều so với quan hệ này ở Trung Quốc. Vì thế, xung đột xã hội tạo ra ở Việt Nam cũng lớn hơn Trung Quốc. Đ- ơng nhiên là vẫn có giao tiếp giữa hai bên, nơi mà tầng lớp tinh hoa có tính nhị nguyên, vừa theo đuổi các truyền thống Trung Quốc, vừa thực hành truyền thống địa ph- ơng, nh- ng sự thỏa hiệp này là có giới hạn, nhất là đối với những ng- ời cai trị mạnh mẽ nh- vua Minh Mệnh. Giới tinh hoa triều đình lo ngại các cộng đồng làng xã níu giữ phong tục tập quán dân gian Đông Nam Á sẽ làm xói mòn các nỗ lực "Trung Hoa hóa" (sinicization), ngăn trở thực thi đạo của Thánh nhân, và do đó làm suy yếu khả năng quản lý địa ph- ơng của chính quyền, làm xói mòn các quy phạm đạo đức. "Ca x- ớng", "bách hí", cờ bạc và các trò chơi dân gian, chữ Nôm, sự không đồng nhất về trang phục, tập quán, việc quản lý nhân khẩu, phân loại tộc ng- ời, hôn nhân… vì thế là một phần trong danh mục cần "giáo hóa" này (32).

Tri thức và ảnh h□ởng

Công trình của Woodside có tầm ảnh h- ởng rộng lớn trong giới nghiên cứu Việt Nam và Đông Nam Á. Sau năm thập kỷ ra đời, đây vẫn là khảo cứu có hệ thống nhất về mô hình chính trị ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XIX. Về mặt tài liệu, tác giả đã tham khảo rộng rãi hệ thống t- liệu Hán Nôm gồm công trình biên soạn bởi triều đình, quan lại tới văn bản hành chính, bao gồm một phần châu bản và tr- ớc tác của học giả đ- ơng thời. Ông cũng sử dụng một l- ợng lớn t- liệu Trung Quốc, Nhật Bản và ph- ơng Tây với mục đích so sánh, đối chiếu… Chính việc làm chủ hệ thống t- liệu gốc thuộc nhiều ngôn ngữ khác nhau đã góp phần xác lập chỗ đứng và giá trị học thuật của tác phẩm.

Bức thông điệp của Woodside về triều Nguyễn nh- giai đoạn đỉnh cao của Nho giáo có ảnh h- ởng lớn tới nhiều thế hệ học giả. Những ng- ời cùng thời nh- John K. Whitmore, David G. Marr, R.B. Smith,…

chia sẻ quan điểm này, và các sử gia có ảnh h- ởng lớn về lịch sử Đông Nam Á vẫn đang theo đuổi nó. Anthony Reid gọi giai đoạn đầu thế kỷ XIX là "High Confucian Fundamentalism" (*chủ nghĩa cơ yếu Nho giáo đỉnh cao*?) (33). Bức thông điệp của Woodside về vai trò bao trùm của Nho giáo nh- một ph- ơng thức để hiểu dòng chủ l- u Việt Nam vẫn đang đ- ợc các học giả hiện tại theo đuổi (34). Các nhà viết sử Đông Nam Á vẫn đang định vị Việt Nam trong "vùng ảnh h- ởng Nho giáo" (Confucian-influenced zone), "nền văn hóa Việt Nho giáo hóa" (Confucianized Viet culture), hay thuộc về "các mô hình Nho giáo" (35).

Từ góc độ sáng tạo tri thức, "*Việt Nam và mô hình Trung Quốc*" ra đời trong bối cảnh khai sinh của ngành Đông Nam Á học. Đây là một sự tăng viện hoàn hảo cho lý thuyết về bản sắc văn hóa và tiếp biến văn hóa ở Đông Nam Á, về tính bản địa và quá trình tiếp biến đó: điều mà các nhà lý thuyết khu vực học đang chờ đón. Những ý t- ởng nh- của Woodside sau đó đ- ợc khái quát hóa trên phạm vi khu vực, nơi mà các học giả tin rằng "địa ph- ơng hóa" (localization), "bản địa hóa" (indigenization) là một phần của bản sắc Đông Nam Á (36).

V□ợt qua mô hình Trung Hoa

Ở góc độ khác, công trình của Alexander Woodside đặt ra nhiều vấn đề tranh luận học thuật mang tính nền tảng trong việc hiểu sự vận hành của quyền lực chính trị, văn hóa và thiết chế xã hội Việt Nam. Liệu Woodside có đang thổi phồng bản sắc Trung Quốc của nền văn hóa Việt Nam? Liệu Woodside có đang hạ thấp sức mạnh, sự đa dạng, năng động và tầm mức ảnh h- ởng nền tảng của nền văn hóa bản địa? Và bản thân việc bóc tách "Việt Nam" thành (chủ yếu) là "Trung Quốc" và "Đông Nam Á" đã phù hợp?

Vấn đề lớn nhất của cuốn sách nằm ở chỗ "Việt Nam" và "Trung Quốc" là các nhãn hiện đại để chỉ hai thực thể quốc gia hiện đại. Woodside đang sử dụng các thực thể chính trị là dân tộc để soi chiếu vào các phức hợp chính trị - văn hóa trong quá khứ. Hệ quả là tác giả đơn giản hóa "mô hình Trung Quốc". Việc coi lịch sử phức tạp, lâu dài của Trung Quốc chỉ là một mô hình duy nhất ít có khả năng thuyết phục. Quan niệm này cũng đơn giản hóa các yếu tố chính trị, văn hóa, t- t- ởng Đông Á truyền thống, đơn giản hóa cách thức các yếu tố này truyền bá ra ngoài.

Chính Woodside là ng- ời đầu tiên trình bày về hạn chế này: ""Trung Quốc" không phải là tính từ thích hợp. Việt Nam thời tiền sử là một phần của một thế giới cổ đại ở Đông Á bao gồm cả Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc. Nếu nh- học giả cổ điển Âu châu không coi các triết gia cổ đại châu Âu nh- Plato và Aristotle nh- tài sản độc quyền của ng- ời Hy Lạp thì các học giả cổ điển Việt Nam nh- Lê Quý Đôn cũng không tin rằng các nhà t- t- ởng cổ đại mà họ nghiên cứu, nh- Khổng Tử và Mạnh Tử, là tài sản riêng của ng- ời Trung Quốc. Thứ hai, quả thật không có một "mô hình" nào trong thế giới cổ đại này. Ng- ời Đông Á chia sẻ một môi tr- ờng triết học, chính trị tôn giáo phức tạp và đa nguyên, có nhiều sự đa dạng phong phú các khả năng sáng tạo mà chúng ta gần đây mới bắt đầu hiểu đúng giá trị. Vì vậy, nếu đ- ợc viết lại, tiêu đề tôi sẽ chọn là "*Việt Nam và những cảm hứng cổ điển*" (37). Đồng thời, ông đã nhấn mạnh nhiều hơn tới các điểm t- ơng đồng của Việt Nam trong thế giới Á Đông truyền thống (38).

Cách tiếp cận của Woodside cũng đơn giản hóa góc nhìn về lịch sử văn hóa và chính trị Việt Nam. Tr- ớc hết là coi sự tiến hóa của Việt Nam là thống nhất, liên tục và đi theo đ- ờng thẳng của quá trình Nho giáo hóa tiến tới nhà Nguyễn là đỉnh cao. Ý niệm về sự phát triển đơn tuyến này đến từ việc đơn giản hóa cơ tầng văn hóa Việt Nam bằng cách (chỉ) bóc tách làm 2 "lớp": "Trung Quốc" và "Đông Nam Á". Xa hơn nữa, Woodside đặt sự vận hành của chúng trong thế đối chọi, tức là mặc định tính cách "xung đột" giữa hai loại hình ý thức hệ, thế giới quan, và hai truyền thống này. Góc nhìn đó đặt nhà n- ớc ở Việt Nam trong thế đối lập với làng. Điều này có thể phù hợp ở một số thời điểm (39), tuy nhiên khó có thể coi là xu thế của lịch sử Việt Nam (40). Việc phân tầng văn hóa Việt Nam thành Trung Quốc và Đông Nam Á vô hình trung đã đơn giản hóa quan hệ "Việt Nam" và "Trung Quốc", coi quá trình này là chủ yếu là việc "nhập khẩu mô hình", tạo ra ấn t- ợng rằng phải tới thời Nguyễn thì mô hình này mới "đầy đủ", "đỉnh cao" (41).

Ý t- ởng về hai thế giới của Woodside gần đây đã bị các học giả thời hậu Chiến tranh Lạnh về Việt Nam đặt lên bàn cân. Những ng- ời này hoặc chú ý nhiều hơn đến yếu tố "Nam" (trong thế đối lập bản sắc với Bắc), hoặc mô tả "Hán hóa" phức tạp với nhiều nhóm ng- ời, nhiều quá trình, nhiều giai đoạn; hoặc nhấn đến tính đa dạng của "các Việt Nam", của "nhiều cách thức khác nhau để trở thành Việt Nam (42).

Phần trong số những nội dung này đã đ- ợc nhận thức lại mà một trong những nhà phê bình nghiêm khắc nhất chính là Alexander Woodside. Trong lời tựa cho bản in năm 1988, tác giả chỉ ra vấn đề này bằng việc mô tả các giới hạn tri thức ông gặp phải vào năm 1971. Thứ nữa là thay vì nhấn mạnh tới mô hình, ông tập trung tới cách thức t- ơng tác tri thức ở thế giới Đông Á truyền thống, đặc biệt là sự kết nối xuyên biên giới của tầng lớp trí thức trong thế giới đại đồng Nho giáo.

Woodside còn đi xa hơn khi thúc đẩy những thay đổi từ góc độ ph- ơng pháp luận. "Khi tôi đọc các công trình nghiên cứu phong phú về Việt Nam đ- ợc xuất bản gần đây bởi các học giả trẻ, nghiên cứu trong điều kiện đỡ "nguyên thủy" hơn tôi tr- ớc đây, tôi cảm thấy mình giống nh- một chú khủng long may mắn thoát khỏi sự tuyệt chủng. Nh- ng tôi là một con khủng long hạnh phúc: Tôi ng- ỡng mộ sự đa dạng và sự tinh tế trong các tác phẩm của các học giả trẻ, luôn đánh giá lại và tiếp tục đánh giá lại… Các học giả ph- ơng Tây nghiên cứu về châu Á ngày nay thấy mình đang ở trong giai đoạn "sám hối" hậu thuộc địa. Điều này có nghĩa là chúng ta phải đánh giá lại lịch sử các nền văn minh phi ph- ơng Tây… Điều này tạo ra những thách thức cho những nhà nghiên cứu lịch sử chính trị của Việt Nam. Làm thế nào để, trong giai đoạn "sám hối" và đánh giá lại hậu thuộc địa này, chúng ta có thể đặt nhiều thế kỷ của đời sống chính trị ở Việt Nam tr- ớc năm 1885 vào bức tranh tổng quát của chúng ta về lịch sử châu Á và thế giới? Rõ ràng là các lý thuyết cũ về hiện đại hóa chính trị lấy châu Âu làm trung tâm, trong đó tách biệt hai khái niệm "truyền thống" và "hiện đại", là cục bộ và lỗi thời. Những lý thuyết này đã cầm tù trí tuệ của con ng- ời... Làm thế nào để thay thế các lý thuyết về lịch sử phát triển chính trị lấy châu Âu làm trung tâm và thoát khỏi những quan niệm t- bản hẹp hòi về "hiện đại" kìm hãm nhận thức của chúng ta về những con đ- ờng khác nhau trong lịch sử thế giới?" (43).

Với ý nghĩa đó, công trình của Alexander Woodside là sự mở đầu cho hành trình tri thức đi tìm Việt Nam hơn là một sự xác quyết. Một nền móng thực sự vững chắc cho những ng- ời đi sau an tâm b- ớc tới. Từ việc tái định vị Việt Nam thời hậu thuộc địa, Woodside đã mở ra các đ- ờng chân trời tri thức không giới hạn, nơi việc vẽ ra các không gian địa lý, đi theo mạng l- ới có thể giúp dựng lại những chủ thể lịch sử mới với bản sắc mới (44). Bản thân Woodside cũng cho rằng "Chúng ta mới đang ở giai đoạn bình minh của hành trình thăm dò quá khứ đa dạng của Việt Nam" (45). Trong cuộc hành trình đó, bản sắc Việt Nam không chỉ thuộc về các thế giới Trung Quốc, Ấn Độ, Đông Nam Á hay Bách Việt… mà Việt Nam là một thế giới, một sân khấu lịch sử lớn, nơi mà cuộc hành trình lâu dài và kịch tính của các cộng đồng trên phần lãnh thổ hình chữ S có thể mang lại những mẫu hình và cách diễn giải mới về lịch sử nhân loại.

CHÚ THÍCH

(1). *Đại Nam thực lục* 大南寔錄 (Tokyo: Institute of Cultural and Linguistic Studies, Keio University, 1961-1977), Chính biên, đệ nhị kỷ (II), quyển 219: 2a.

(2). Alexander B. Woodside, *Vietnam and the Chinese Model: A Comparative Study of Vietnamese and Chinese Government in the First Half of the Nineteenth Century* (CA, MA: Council on East Asian Studies, Harvard University, 1988).

(3). T. O. Smith, *Cambodia and the West, 1500-2000* (London: Palgrave Macmillan UK, 2018), 40.

(4). W F Wertheim, "Early Asian Trade: An Appreciation of J. C. van Leur," *The Far Eastern Quarterly* 13, no. 2 (July 26, 1954): 168, https://doi.org/10.2307/2942064.

(5). "Tổ chức trọng thể lễ dâng h- ơng t- ởng niệm các vua Hùng," Báo *Nhân dân*, 2021, https://nhandan.vn/tin-tuc-su-kien/to-chuc-trong-the-le-dang-huong-tuong-niem-cac-vua-hung-642788/.

(6). *Hùng V- ơng dựng n- ớc, 4 tập.* (Hà Nội: Khoa học Xã hội, vol. 1, 1970; vol. 2, 1972; vol. 3, 1973; vol. 4, 1974).

(7). Woodside, "Diễn từ nhận giải văn hóa Phan Châu Trinh 2017".

(8). Điều này là do ảnh h- ởng của các học giả thuộc địa Pháp và những ng- ời nh- Joseph Buttinger: *The Smaller Dragon: A Political History of Vietnam* (New York: Praeger, 1958).

(9). Xem các nghiên cứu cùng giai đoạn của John K. Whitmore, "The Development of Le Government in Fifteenth Century Vietnam" (Ph.D. Thesis, Cornell University, 1968); John K. Whitmore, "Chiao-Chih and Neo-Confucianism: The Ming Attempt to Transform Vietnam," *Ming Studies* 1977, no. 1 (January 18, 1977): 51-92.

(10). Alexander B. Woodside, *Vietnam and the Chinese Model*.

(11). Frances FitzGerald, *Fire in the Lake: The Vietnamese and the Americans in Vietnam* (New York: Random House, 1972). Theo tác giả, Việt Nam có lịch sử lâu dài đ- ợc dẫn dắt bởi truyền thống chống ngoại xâm. Ph- ơng Tây không hiểu các giá trị văn hóa, lịch sử của ng- ời Việt vì thế dẫn đến lạc lối, sai lầm trong việc tiến hành chiến tranh ở Việt Nam. Một trong những sai lầm này chính là việc ng- ời Mỹ ủng hộ chính quyền miền Nam Việt Nam vốn không đ- ợc dân chúng tín nhiệm, trong khi đó chính phủ Hồ Chí Minh mới thực sự là đại diện cho chủ nghĩa dân tộc, tinh thần và ý chí chống ngoại xâm của ng- ời Việt.

(12). Keith W. Taylor, *The Birth of Vietnam* (Berkeley: University of California Press, 1983). Xem ý kiến của ông hai thập kỷ sau khi công trình đ- ợc xuất bản, Keith W. Taylor, "Cái Nhìn Mới về

Việt Nam," BBC, 2004, https://www.bbc.com/vietnamese/regionalnews/story/2003/09/printable/030912_keithtaylor.

(13). Robert S. McNamara, *In Retrospect: The Tragedy and Lessons of Vietnam* (New York: Random House, 1995). Xem thêm Robert McNamara and the Ghosts of Vietnam By DAVID K. SHIPLER, https://archive.nytimes.com/www.nytimes.com/library/world/asia/081097vietnam-mcnamara.html?scp=74&sq=vietnam&st=Search

(14). George Cœdès, *Histoire Ancienne Des états Hindouisés d'Extrême-Orient* (Hà Nội: Imprimerie d'Extrême-Orient, 1944).

(15). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 7.

(16). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 22.

(17). Bản sắc này đ- ợc mở rộng và trình bày một cách có hệ thống bởi sử gia Oliver W. Wolters: *History, Culture, and Region in Southeast Asian Perspectives*, (Ithaca, NY: Cornell University, 1999).

(18). Alexander B. Woodside, "Conceptions of Change and of Human Responsibility for Change in Late Traditional Vietnam," *The Vietnam Forum 6*, 1985, 74.

(19). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 9-18.

(20). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 15.

(21). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 51.

(22). "Hồi tỵ": tránh đi, né đi. Đây là hệ thống quy định chặt chẽ, có hệ thống của các triều đại Trung Quốc liên quan tới việc quan chức không đ- ợc bổ nhiệm tại quê nhà, không lấy vợ ở nơi nhậm chức, không làm việc gần, cùng cơ quan với ng- ời trong gia đình, bạn học… không cử đi thanh tra, giám sát tại quê nhà, quê vợ… Theo Woodside thì hệ thống này ở Việt Nam đơn giản hơn. Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 83.

(23). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 112.

(24). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 131-32. Xem thêm Vũ Đức Liêm, "Nam tiến" và Cái bẫy địa lý của ng- ời Việt," BBC Vietnamese, October 2018, https://www.bbc.com/vietnamese/forum-46007247?fbclid=IwAR2ApH9LFwxvkF4lpehsElPX9h11CoGcSXTU-aux4lJG6TgwrqfZdQ_7fUM.

(25). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 152.; Vũ Đức Liêm, "Village Rebellion and Social Violence in Early Nineteenth Century Vietnam," in *A Global History of Early Modern Violence*, ed. Peter H. Wilson, Marie Houllemare, and Erica Charters (Manchester: Manchester University Press, 2020), 52-70.

(26). Xem mô tả của học giả thời Thanh Thái Đình Lan về nền giáo dục làng xã ở Việt Nam đầu thế kỷ XIX: Kathlene Baldanza, "Books without Borders: Phạm Thận Duật (1825–1885) and the Culture of Knowledge in Mid-Nineteenth-Century Vietnam," *The Journal of Asian Studies* 77, no. 03 (August 29, 2018): 713-40; Trần Ích Nguyên, *Thái Đình Lan và tác phẩm Hải Nam tạp trứ* (Hà Nội: Lao động, 2008).

(27). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 234.

(28). Xem Insun Yu, "Vietnam-China Relations in the 19th Century: Myth and Reality of the Tributary System," *Journal of Northeast Asian History* 6, no. 1 (2009): 81-117.

(29). "Trấn Tây Phong Thổ Ký 鎮西風土記, Trans., Li Tana," *Chinese Southern Diaspora Studies* 1 (2007): 148-56; Vũ Đức Liêm, "Vietnam at the Khmer Frontier: Boundary Politics, 1802-1847," *Cross-Currents: East Asian History and Culture Review* 5, no. 2 (2016): 534-64.

(30). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 255-56.

(31). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* 8.

(32). Xem 上 諭 訓 條 *Th- ợng Dụ Huấn Điều,* Th- Viện Quốc gia, R.580, 1835).; Byung Wook Choi, *Southern Vietnam under the Reign of Minh Mạng (1820-1841): Central Policies and Local Response* (Ithaca, NY: Cornell University Southeast Asia Program Publications, 2004).

(33). Anthony Reid, *A History of Southeast Asia: Critical Crossroads* (Chichester: Wiley Blackwell, 2015), 224. David G. Marr, *Vietnamese Anticolonialism, 1885-1925*, (Berkeley: University of California Press, 1971), 22.; John K. Whitmore, "Social Organization and Confucian Thought in Vietnam," *Journal of Southeast Asian Studies* 15, no. 2 (1984): 298.; Ralph B. Smith, "Politics and Society in Viet-Nam during the Early Nguyen Period (1802-62)," *JRASGBI* 2 (1974): 153.

(34). Woodside, *Vietnam and the Chinese Model,* Preface.; Liam C. Kelley, *Beyond the Bronze Pillars: Envoy Poetry and the Sino-Vietnamese Relationship* (Honolulu: Association for Asian Studies, 2005); Vũ Đức Liêm, Đi tìm một Việt Nam giữa các vùng biên, *X- a Nay* 525 (2020): 30-34.

(35). Nicholas. Tarling, ed., *The Cambridge History of Southeast Asia, Vol. 1: From Early Time to c. 1800*, (Cambridge: Cambridge University Press, 1992); Reid, *A History of Southeast Asia#: Critical Crossroads*.

(36). Craig J. Reynolds, "A New Look at Old Southeast Asia," *Source: The Journal of Asian Studies* 54, no. 2 (1995): 430-35.

(37). Woodside, "Diễn từ nhận giải văn hóa Phan Châu Trinh 2017."

(38). Alexander B. Woodside, *Lost Modernities: China, Vietnam, Korea, and the Hazards of World History* (CA, MA: Harvard University Press, 2006).; Diana Lary, ed., *The Chinese State at the Borders* (Vancouver: UBC Press, 2011).

(39). Liêm, "Village Rebellion and Social Violence in Early Nineteenth Century Vietnam".

(40). Xem Insun Yu, "The Changing Nature of the Red River Delta Villages during the Lê Period (1428-1788)," *Journal of Southeast Asian Studies* 32, no. 2 (2001): 151-72.

(41). Kelley, "'Confucianism" in Vietnam: A State of the Field Essay," 348.

(42). Vũ Đức Liêm, Tái định vị xứ Đàng Trong trong không gian Đông Á và Đông Nam Á, thế kỷ XVI-XVIII, *Nghiên Cứu và Phát Triển* 4, no. 130 (2016): 12-42.

(43). Woodside, "Diễn từ nhận giải văn hóa Phan Châu Trinh 2017".

(44). Vũ Đức Liêm, "Connecting Networks and Orienting Space: Relocating Nguyen Cochinchina between East and Southeast Asia in the Sixteenth and Eighteenth Centuries," in *Imagining Asia: Networks, Actors, Sites*, ed. Andrea Acri et al. (Singapore: ISEAS-Yusof Ishak Institute, 2019), 358-92.

(45). Woodside, "Diễn từ thận giải văn hóa Phan Châu Trinh 2017".